

Số: /HD-SNN

Cao Bằng, ngày 14 tháng 9 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

### **Thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025**

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

Thực hiện Quyết định số 1018/QĐ-UBND, ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao (đối với chỉ tiêu, tiêu chí do UBND tỉnh quy định) tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### **I. Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới**

**1. Chỉ tiêu 3.1:** Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

1.1. Giải thích từ ngữ: Hình thức tưới, tiêu nước chủ động là việc điều tiết nước đáp ứng yêu cầu của đối tượng sử dụng nước về số lượng và chất lượng.

1.2. Đánh giá thực hiện:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) được tưới chủ động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%)$$

+  $T_{\text{tưới}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) được tưới chủ động (%).

+  $S_1$ : Diện tích gieo trồng (lúa) cả năm thực tế được tưới chủ động (ha).

+  $S$ : Diện tích gieo trồng (lúa) cả năm cần tưới theo kế hoạch (ha).

$S_1, S$ : Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) được tiêu chủ

động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+  $T_{\text{tiêu}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) được tiêu chủ động (%).

+  $F_1$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) thực tế được tiêu chủ động (ha).

+  $F$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa nước) của xã (ha).

$F_1, F$ : Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn NTM. Xã được đánh giá là đạt chỉ tiêu 3.1 khi  $T_{\text{tươi}} \geq 80\%$  và  $T_{\text{tiêu}} \geq 80\%$ .

*(Bảng thống kê diện tích được tưới, tiêu chủ động tham khảo theo phụ lục 01 gửi kèm theo).*

**2. Chỉ tiêu 13.3:** Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

2.1. Giải thích từ ngữ:

Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã.

2.2. Đánh giá thực hiện

- Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy suất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

- Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn chất lượng có chứng nhận được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực.

2.3. Tài liệu minh chứng gồm: Sản phẩm nông sản chủ lực của xã được gắn mã truy xuất nguồn gốc, các quyết định chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng đối với các sản phẩm chủ lực.

**3. Chỉ tiêu 13.4:** Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường.

3.1. Đánh giá thực hiện

- Xã có kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch.

- Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống phải thể hiện được những nội dung, nhiệm vụ cơ bản sau:

+ Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của làng nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Khôi phục và duy trì các lễ, hội của với các làng nghề, làng nghề truyền thống.

+ Bảo vệ cảnh quan, không gian làng nghề, làng nghề truyền thống.

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường giao thông, điện, kho bãi...

+ Có hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước sản xuất tập trung tại các làng nghề, làng nghề truyền thống.

+ Tổ chức và hỗ trợ đào tạo, truyền nghề.

+ Xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống: Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ thương mại, tiêu thụ sản phẩm làng nghề...

3.2. Tài liệu minh chứng gồm: Quyết định công nhận làng nghề; Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề; Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề; Hợp đồng thu gom rác thải...

**4. Chỉ tiêu 13.5:** Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

4.1. Đánh giá thực hiện:

Xã đạt chuẩn chỉ tiêu 13.5 khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Thành lập và hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng:

- Căn cứ thành lập:

+ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

+ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Thành lập:

+ Tổ khuyến nông cộng đồng là tổ chức khuyến nông tự nguyện với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và các cá nhân trên địa bàn (cán bộ thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm...), đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế tại địa phương (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, hợp tác xã, doanh nghiệp), nông dân sản xuất giỏi tại địa phương.

+ Số lượng thành viên tổ khuyến nông cộng đồng tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, tối thiểu là 05 người.

+ Tổ khuyến nông cộng đồng xây dựng nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### b) Cơ cấu Tổ khuyến nông cộng đồng:

- Tổ trưởng: Đại diện lãnh đạo của một trong các tổ chức Hội nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu Chiến binh, nhân viên khuyến nông, nhân viên thú y...

- Tổ phó, các thành viên: Nhân viên khuyến nông, nhân viên thú y, đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế tại địa phương (Hội nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu Chiến binh, hợp tác xã, doanh nghiệp), nông dân sản xuất giỏi tại địa phương.

#### c) Chức năng, nhiệm vụ

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp do cấp có thẩm quyền giao.

- Hoạt động tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá, cộng đồng dân cư nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái.

#### d) Hoạt động chính

- Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; tham gia xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp; tham gia tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp cho nông dân/HTX.

- Phối hợp với các tổ chức tham gia tư vấn chính sách và pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn; tham gia tư vấn thành lập, phát triển hợp tác xã; tham gia tư vấn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tư vấn dự báo thị trường, chuyển đổi số, xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản...

- Tham mưu tư vấn Kế hoạch sản xuất mùa vụ, kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại, kế hoạch chăn nuôi... của địa phương.

- Tham gia tư vấn Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y...

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương.

#### e) Nguyên tắc hoạt động

- Công khai, minh bạch.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của địa phương và nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ.

- Liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động.
- Tổ khuyến nông cộng đồng chịu sự quản lý toàn diện của UBND cấp xã và chịu quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện và các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

f) Địa điểm, phương tiện làm việc

UBND xã tạo điều kiện về địa điểm và phương tiện làm việc cho tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động ổn định, lâu dài.

4.2. Tài liệu minh chứng gồm:

- Danh sách các tổ khuyến nông cộng đồng (nếu có từ 2 Tổ trở lên).
- Báo cáo kết quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng.
- Các Quyết định thành lập tổ khuyến nông cộng đồng (*theo mẫu phụ lục 02 kèm theo*).
- Quyết định ban hành quy chế hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng (*theo mẫu phụ lục 03 kèm theo*).
- Bảng đánh giá hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng, Hồ sơ minh chứng (*theo mẫu phụ lục 04 kèm theo*).

## II. Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

**1. Chỉ tiêu 3.3:** Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước lớn hơn hoặc bằng 5%.

### 1.1. Giải thích từ ngữ

Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn hoặc tưới ướ - khô xen kẽ, nông lộ phơi, SRI, 1 phải 5 giảm, 3 tăng 3 giảm cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp.

### 1.2. Đánh giá thực hiện

a) Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được tính bằng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực của các vụ trong năm thực tế áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên tổng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực (*có nhu cầu tưới*) theo quy hoạch/kế hoạch của xã.

+ Đối với cây chủ lực là cây lúa: Là diện tích áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như: SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, Nông - Lộ - Phơi/ướ - khô xen kẽ...

+ Đối với cây chủ lực là các cây trồng cạn: Là diện tích áp dụng các kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như: tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt...

(*xác định tỷ lệ diện tích đất trồng cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn xã theo phụ lục 05 gửi kèm theo*).

b) Chỉ tiêu 3.3 được đánh giá là đạt khi tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được

tươi tiên tiến, tiết kiệm nước lớn hơn hoặc bằng 5%.

c) Các trường hợp khác:

Trường hợp xã không có cây trồng chủ lực theo quy định của UBND cấp tỉnh thì có thể được tính bằng tỷ lệ diện tích cây trồng mang lại giá trị kinh tế chính của địa phương như lúa, rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

**2. Chỉ tiêu 3.4:** Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

2.1. Giải thích từ ngữ

- Kiểm tra công trình là việc xem xét bằng trực quan hoặc sử dụng thiết bị chuyên dụng để phát hiện các dấu hiệu hư hỏng nhằm đánh giá hiện trạng của công trình, máy móc, thiết bị.

- Bảo dưỡng công trình thủy lợi là hoạt động đơn giản, phải làm hàng ngày hoặc thường xuyên, sử dụng lao động, vật liệu để duy trì sự hoạt động bình thường của công trình và máy móc, thiết bị.

- Sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi là công việc có tính chất thường xuyên hằng năm, khắc phục những hư hỏng công trình và máy móc, thiết bị nhằm chống xuống cấp, không dẫn đến hư hỏng lớn hơn, bảo đảm hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Sửa chữa định kỳ là hoạt động theo chu kỳ, khắc phục hư hỏng lớn, thay thế một số bộ phận quan trọng hết tuổi thọ, nếu không được sửa chữa có khả năng gây mất an toàn, hạn chế năng lực phục vụ của công trình và máy móc, thiết bị.

- Sửa chữa đột xuất là hoạt động khẩn cấp khắc phục sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc, thiết bị do tác động của mưa, gió, bão, lũ, ngập lụt, úng, động đất, va đập, cháy, nổ hoặc những tác động đột xuất khác.

2.2. Đánh giá thực hiện

a) Tất cả công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý có kế hoạch bảo trì hàng năm.

Kế hoạch bảo trì thể hiện một số công việc chính như: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi, trong đó có dự kiến về thời gian, kinh phí, hình thức tổ chức thực hiện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch:

- Có báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra thường xuyên, trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn.

- Có hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục theo kế hoạch.

- Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đạt 100% so với kế hoạch: Có hồ sơ lưu thể hiện việc sửa chữa theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hoặc theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây

dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

- Các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị bị ảnh hưởng tác động bởi thiên tai (nếu có) được xử lý sửa chữa đột xuất kịp thời (có hồ sơ chứng minh).

**3. Chỉ tiêu 13.2:** Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn

3.1. Đánh giá thực hiện:

Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn theo quyết định của UBND cấp tỉnh hoặc quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng các điều kiện sau:

+ Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Có thương hiệu sản phẩm (được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý).

+ Có bao bì, nhãn mác theo quy định.

+ Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối  $\geq 50\%$ /năm) trong ít nhất 02 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã NTM nâng cao.

3.2. Tài liệu minh chứng gồm: Quyết định công nhận sản phẩm OCOP còn thời hạn, hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực...

**4. Chỉ tiêu 13.4:** Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã

4.1. Đánh giá thực hiện:

Có tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

4.2. Tài liệu minh chứng gồm: Sản phẩm nông sản chủ lực của xã được gắn mã truy xuất nguồn gốc.

**5. Chỉ tiêu 13.6:** Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng

5.1. Đánh giá thực hiện: có sản phẩm nông sản chủ lực của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng.

5.2. Tài liệu minh chứng gồm: giấy chứng nhận mã số vùng trồng.

**6. Chỉ tiêu 13.8:** Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)

6.1. Đánh giá thực hiện: Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả (đảm bảo tối thiểu 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa; không gây ô nhiễm môi trường).

6.2. Tài liệu minh chứng gồm: Các quyết định phê duyệt mô hình.

**7. Chỉ tiêu 18.6:** Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm

7.1. Đánh giá thực hiện:

- 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm khi đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải Thực hiện ký cam kết ATTP theo Thông Tư số 17 /2018/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2018 Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

7.2. Tài liệu minh chứng gồm: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Danh sách các hộ sản xuất kinh doanh ký cam kết ATTP (đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành thành viên BCD thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, PTNT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thái Hà**



**PHỤ LỤC**  
**Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí**  
**xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng**  
**giai đoạn 2021-2025**

(kèm theo Hướng dẫn số            /HD-SNN, ngày 14/9/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

**Phụ lục 01: Xác định tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động**

1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động:

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
	Lúa đông xuân		
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa		
	Rau, màu		
2	Cây lâu năm		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	S	S1
	T <sub>tưới</sub> (%)	$(S1/S)*100$	

2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động:

TT	Loại đất phân theo mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Diện tích thực tế được tiêu (ha)
1	Sản xuất nông nghiệp		
	Lúa (đông xuân, hè thu, mùa)		
	Rau màu		
	Cây lâu năm		
2	Phi nông nghiệp		
	Đất thổ cư		
	Khác		
	Tổng cộng	F	F1
	T <sub>tiêu</sub> (%)	$(F1/F)*100$	

**Phu lục 02: Quyết định thành lập tổ khuyến nông cộng đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
...**(1)**...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày ... tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thành lập tổ khuyến nông cộng đồng ...**(2)**...****ỦY BAN NHÂN DÂN ....**(1)**...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ .....*;

*Theo đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thành lập tổ khuyến nông cộng đồng ...**(2)**... gồm các ông/bà có tên sau:

- |                 |             |
|-----------------|-------------|
| 1. Ông/bà ..... | - Tổ trưởng |
| 2. Ông/bà ..... | - Tổ phó    |
| 3. Ông/bà ..... | - Tổ viên   |
| 4. ....         | .....       |

*(có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Chức năng, nhiệm vụ, hoạt động chính

**1. Chức năng, nhiệm vụ**

a) Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp do cấp có thẩm quyền giao.

c) Hoạt động tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển

sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá, cộng đồng dân cư nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái.

## 2. Hoạt động chính:

a) Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; Tham gia xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp; Tham gia tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp cho nông dân/HTX.

b) Phối hợp với các tổ chức tham gia tư vấn chính sách và pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tham gia tư vấn thành lập, phát triển hợp tác xã; Tham gia tư vấn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tư vấn dự báo thị trường, chuyển đổi số, xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản ...

c) Tham mưu tư vấn Kế hoạch sản xuất mùa vụ, kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại, kế hoạch chăn nuôi... của địa phương.

d) Tham gia tư vấn Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y,...

e) Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương.

### **Điều 3.** Nguyên tắc hoạt động:

1. Công khai, minh bạch.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của địa phương và nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ.

3. Liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động

4. Tổ khuyến nông cộng đồng chịu sự quản lý về chuyên môn của các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương.

### **Điều 4.** Kinh phí hoạt động

1. Nguồn do ngân sách cấp theo các nhiệm vụ được giao (nếu có).

2. Nguồn thu từ các hoạt động tư vấn, dịch vụ.

3. Nguồn thu từ các hoạt động liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân.

4. Nguồn thu từ tham gia các dự án, đề tài.

5. Nguồn vốn vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng theo quy định.

6. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5.** Tổ chức thực hiện

1. Tổ trưởng tổ khuyến nông cộng đồng chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đạt hiệu

quả.

**2.** Tổ khuyến nông cộng đồng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động đạt hiệu quả, đảm bảo đúng quy định.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tổ chức, cá nhân có liên quan và các ông bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

- .....

- Lưu: .....

**Ghi chú:**

- (1): Tên Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định.

- (2): Tên của tổ khuyến nông cộng đồng (có thể là danh từ riêng hoặc tên của địa danh thuộc địa phương hoặc tên của địa phương....)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG ...(2)....**

*(kèm theo Quyết định số .... /QĐ-UBND ngày .../.../....)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày, tháng, năm sinh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Ghi chú</b>

**Phu lục 03: Quyết định ban hành quy chế hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....  
TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày ... tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng**

**TỔ TRƯỞNG TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG XÃ.....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .... của UBND xã..... về việc thành lập Tổ Khuyến nông cộng đồng;*

*Căn cứ nội dung cuộc họp ngày.... tháng .... năm.... của Tổ Khuyến nông cộng đồng, thống nhất ban hành Quy chế hoạt động Tổ Khuyến nông cộng đồng;*

*Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ Khuyến nông cộng đồng*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Tổ Khuyến nông cộng đồng, các tổ chức, cá nhân có liên quan tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- .....

- Lưu: .....

**TỔ TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....  
TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng xã.....

(Ban hành kèm theo Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .... của UBND xã..... về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng )

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc, mối quan hệ phối hợp công tác và trách nhiệm của Tổ Khuyến nông cộng đồng (sau đây viết tắt là Tổ Khuyến nông).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Tổ Khuyến nông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

#### Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Tổ Khuyến nông

1. Tổ Khuyến nông chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của UBND cấp xã; chịu quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện và các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

2. Tổ Khuyến nông làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể thảo luận, Tổ trưởng kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Thành viên Tổ Khuyến nông tham gia, thực hiện đầy đủ các hoạt động của Tổ và kịp thời báo cáo, chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng về các nhiệm vụ được phân công theo quy định tại Quy chế này.

4. Liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động.

5. Có chế độ báo cáo đánh giá hoạt động thường kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Khi có vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền phải xin ý kiến cấp trên trước khi tổ chức thực hiện.

## Chương II

### CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

#### Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp do cấp có thẩm quyền giao.

- Hoạt động tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát

huy bản sắc văn hoá, cộng đồng dân cư nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái.

#### **Điều 4. Nội dung hoạt động**

- Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; Tham gia xây dựng các mô hình chuyển giao tiên bộ kỹ thuật nông nghiệp; Tham gia tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp cho nông dân/HTX.

- Phối hợp với các tổ chức tham gia tư vấn chính sách và pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tham gia tư vấn thành lập, phát triển hợp tác xã; Tham gia tư vấn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tư vấn dự báo thị trường, chuyển đổi số, xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản ...

- Tham mưu tư vấn Kế hoạch sản xuất mùa vụ, kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại, kế hoạch chăn nuôi... của địa phương.

- Tham gia tư vấn Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y,...

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

- Làm việc theo Kế hoạch của Tổ và và phân công của Tổ trưởng trên tinh thần chủ động, hợp tác và lấy kết quả công việc là thước đo.

- Chế độ giao ban định kỳ của tổ một tháng một lần tại địa điểm được UBND xã bố trí. Sơ kết sáu tháng một lần và tổng kết một năm một lần.

- Chế độ báo cáo định kỳ theo tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của UBND xã, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện.

#### **Điều 6. Trách nhiệm**

##### **1. Tổ trưởng Tổ Khuyến nông cộng đồng**

- Chịu trách nhiệm trước UBND xã về kết quả, hiệu quả hoạt động của tổ Khuyến nông cộng đồng.

- Chủ động đề xuất nội dung để Tổ xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện; phân công cho các tổ viên hoặc nhóm trong Tổ thực hiện đảm bảo linh hoạt, hiệu quả theo đúng Quy chế đã ban hành;

- Duy trì chế độ sinh hoạt, báo cáo, nghiên cứu và đề xuất giải quyết các nội dung phát sinh để điều chỉnh bổ sung cho hoạt động của Tổ đúng mục tiêu và đạt kết quả, hiệu quả cao nhất.

##### **2. Tổ phó Tổ Khuyến nông cộng đồng**

- Chịu trách nhiệm trước UBND xã, Tổ trưởng về kết quả nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, đề xuất kế hoạch, nội dung, nhiệm vụ của Tổ để các thành viên trong tổ thảo luận, bàn bạc thống nhất trước khi ban hành thực hiện; giúp Tổ

trưởng duy trì hoạt động chung của Tổ theo Quy chế đã quy định.

- Thay mặt Tổ trưởng điều hành, phân công, quản lý trực tiếp giải quyết công việc theo quy định.

### **3. Thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng**

Thực hiện các quy chế của Tổ Khuyến nông theo sự phân công của tổ trưởng, tổ phó trên cơ sở cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## **Điều 7. Môi quan hệ công tác**

### **1. Đối với UBND xã**

Chấp hành sự chỉ đạo, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền địa phương.

**2. Đối với Trung tâm Khuyến nông và giống nông lâm nghiệp, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp, các cơ quan chuyên môn, quản lý nhà nước của huyện và thành phố.**

- Chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ; phối hợp tổ chức các nhiệm vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Tổ phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chấp hành sự giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

### **3. Đối với các tổ chức đoàn thể của địa phương**

Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ của đoàn thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tổ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Khuyến nông cộng đồng và các tổ chức đoàn thể.

### **4. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp**

Trực tiếp hoặc gián tiếp nhận, thực hiện tư vấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân thông qua việc tập huấn, hướng dẫn, xây dựng mô hình, hội thảo, tọa đàm, thông tin tuyên truyền, kết nối doanh nghiệp, thị trường.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

**1. Tổ Khuyến nông cộng đồng và các thành viên có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.**

**2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh vướng mắc, có những quy định chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung thì các thành viên trong tổ thảo luận, thống nhất xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.**



**Phụ lục 04: Bảng đánh giá hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng, Hồ sơ minh chứng**

TT	Nội dung đánh giá	Chỉ số	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
				Đạt	Không đạt
1	Có tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập	Có Quyết định thành lập; Có Quy chế hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng.			
2	Báo cáo kết quả hoạt động có hiệu quả của Tổ Khuyến nông cộng đồng				
2.1	Công tác tham mưu	Tham mưu tư vấn Kế hoạch sản xuất mùa vụ, kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại, kế hoạch chăn nuôi... của địa phương.			
2.2	Công tác phối hợp (nếu có)	Có tham gia phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn chính sách và pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn ; Có tham gia phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn thành lập, phát triển hợp tác xã; Có tham gia một trong các hoạt động tư vấn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tư vấn dự báo thị trường, chuyển đổi số, xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản ...			
2.3	Công tác tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp (nếu có)	Có tham gia phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; Tham gia tư vấn xây dựng các mô hình Chuyên gia tiên bộ kỹ thuật nông nghiệp; Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp cho nông dân/HTX.			
2.4	Công tác dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y,... (nếu có)	Có tham gia phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y,...			
2.5	Thực hiện các công tác khác địa phương (nếu có)	Tham gia đầy đủ các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương.			

**Phụ lục 05: Xác định tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

**- Đối với cây lúa:**

TT	Vụ sản xuất	Diện tích gieo trồng lúa theo quy hoạch/kế hoạch của xã (ha)	Diện tích gieo trồng lúa thực tế áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)	Biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước được áp dụng
1	Vụ đông xuân			
2	Vụ hè thu			
3	Vụ mùa			
	Tổng cộng	S	S1	
	Tỷ lệ (%)	$(S1/S)*100$		

*Ghi chú:* Biện pháp canh tác tiên tiến, tưới tiết kiệm được hiểu là áp dụng một trong các biện pháp như: SRI, 1 phải 5 giảm, 3 tăng 3 giảm, ướn khô xen kẽ/nông lộ phơi.

**- Đối với cây trồng cạn:**

TT	Loại cây trồng cạn chủ lực	Diện tích đất trồng cây trồng cạn chủ lực cần tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích đất trồng cây trồng cạn thực tế được tưới tiên tiến, TKN (ha)	Công nghệ tưới TKN được áp dụng (phun mưa, nhỏ giọt)
1	Cây ....			
2	Cây ....			
3	Cây ....			
4	Cây ....			
	...			
	Tổng cộng	S	S1	
	Tỷ lệ	$(S1/S)*100$		